

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀI ĐỨC
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Hoài Đức, ngày *** tháng *** năm 2023*

Số: ***/2023/QĐST - HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 371 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 55; Điều 57, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số ***/2023/TLST - HNGĐ ngày ** tháng * năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Nguyễn Văn A, sinh năm 1989;

Trú tại: Số E, Xóm B, xã A, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

- Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1993

Trú tại: Số E, Xóm B, xã A, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn A và chị Nguyễn Thị B kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã A ngày 08/02/2017. Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống Anh A và Chị B phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, anh chị cùng đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn của anh chị thực sự trầm trọng, nguyện vọng đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn của anh chị là phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình nên Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Văn A và chị Nguyễn Thị B xác nhận có 02 (hai) con chung là cháu Nguyễn N, cháu Nguyễn T. Khi ly hôn, anh chị thống nhất thỏa thuận giao cho chị Nguyễn Thị B trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 02 (hai) con chung là cháu Nguyễn N và cháu Nguyễn T kể từ khi có quyết định ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng: Anh Nguyễn Văn A và chị Nguyễn Thị B không có con chung.

[3] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn A và chị Nguyễn Thị B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[4] Về nợ chung: Anh Nguyễn Văn A và chị Nguyễn Thị B xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[5] Về lệ phí: Anh Nguyễn Văn A tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn A và chị Nguyễn Thị B cùng thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Nguyễn Văn A và chị Nguyễn Thị B không có con chung. Ghi nhận chị Nguyễn Thị B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Văn A có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn A và chị Nguyễn Thị B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

- Về nợ chung: Anh Nguyễn Văn A và chị Nguyễn Thị B xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Văn A tự nguyện chịu cả số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng lệ phí việc hôn nhân gia đình. Xác nhận anh Nguyễn Văn A đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí, lệ phí theo Biên lai thu số AA/2020/00**** ngày **** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhân:

- Các bên đương sự;
- VKS huyện Hoài Đức;
- UBND xã A;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thanh